

Hướng dẫn giải và trả lời câu hỏi sách bài tập toán Kết nối tri thức (KNTT) lớp 3 tập 1 Bài 5: Bảng nhân 3, bảng chia 3 trang 13, 14 chính xác nhất, mời các em học sinh và phụ huynh tham khảo.

Giải VBT Toán lớp 3 KNTT Bài 5 Tiết 1 trang 13

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 13 Bài 1: Số?

×	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	1	3	5	7	9	10	8	6	4	2
	3									

Lời giải:

Nhẩm lại bảng nhân 3 để điền số thích hợp vào ô trống.

Ta điền như sau:

×	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	1	3	5	7	9	10	8	6	4	2
	3	9	15	21	27	30	24	18	12	6

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 13 Bài 2: Số?

a)

3	6	9			18		24		30
---	---	---	--	--	----	--	----	--	----

b)

30		24	21			12		6	3
----	--	----	----	--	--	----	--	---	---

Lời giải:

a) Các số cách đều 3 đơn vị, ta cần đếm thêm 3 (bắt đầu từ số 3) để điền số thích hợp vào ô trống.

Vậy ta điền số như sau:

3	6	9	12	15	18	21	24	27	30
---	---	---	----	----	----	----	----	----	----

b) Các số cách đều 3 đơn vị, ta cần trừ đi 3 (bắt đầu từ số 30) để điền số thích hợp vào ô trống.

Vậy ta điền số như sau:

30	27	24	21	18	15	12	9	6	3
----	----	----	----	----	----	----	---	---	---

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 13 Bài 3: Rô – bốt làm những chiếc khung hình tam giác bằng nan tre, mỗi khung cần 3 nan tre. Hỏi để làm 8 khung như vậy, Rô – bốt cần bao nhiêu nan tre?

Bài giải

.....
.....
.....

Lời giải:

Tóm tắt:

1 khung: 3 nan tre

8 khung: ... nan tre?

Bài giải

Để làm 8 khung như vậy, Rô – bốt cần số nan tre là:

$$3 \times 8 = 24 \text{ (nan tre)}$$

Đáp số: 24 nan tre

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 13 Bài 4: Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp.

a) 3×5 5×3

b) 3×8 3×9

c) 3×7 3×6

Lời giải:

Thực hiện tính giá trị hai biểu thức ở hai vế và so sánh.

a) Ta có: $3 \times 5 = 15$; $5 \times 3 = 15$.

Ta thấy $3 \times 5 = 5 \times 3 = 15$.

b) Ta có: $3 \times 8 = 24$; $3 \times 9 = 27$.

Do $24 < 27$ nên $3 \times 8 < 3 \times 9$.

c) Ta có: $3 \times 7 = 21$; $3 \times 6 = 18$.

Do $21 > 18$ nên $3 \times 7 > 3 \times 6$.

Vậy ta điền số như sau:

a) 3×5 5×3

b) 3×8 3×9

c) 3×7 > 3×6

Giải VBT Toán KNTT lớp 3 trang 14 Bài 5 Tiết 2

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 14 Bài 1: Số?

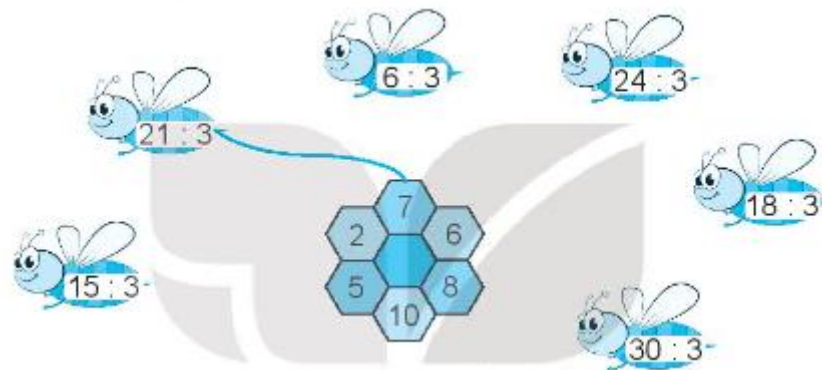
:	3	9	21	6	15	18	12	30	24	27
	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	1									

Lời giải:

Nhẩm lại bảng chia 3 để điền số thích hợp vào ô trống

:	3	9	21	6	15	18	12	30	24	27
	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	1	3	7	2	5	6	4	10	8	9

Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 14 Bài 2: Nói (theo mẫu)



Lời giải:

Thực hiện phép tính và nối với kết quả tương ứng.

Ta có: $21 : 3 = 7$.

Khi đó ta nối biểu thức $21 : 3$ với số 7.

Thực hiện tương tự với các biểu thức còn lại:

$$15 : 3 = 5$$

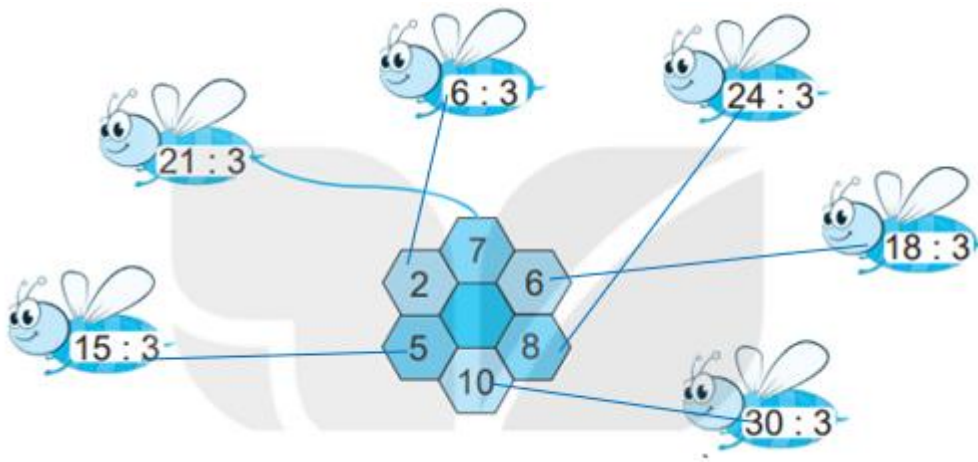
$$6 : 3 = 2$$

$$24 : 3 = 8$$

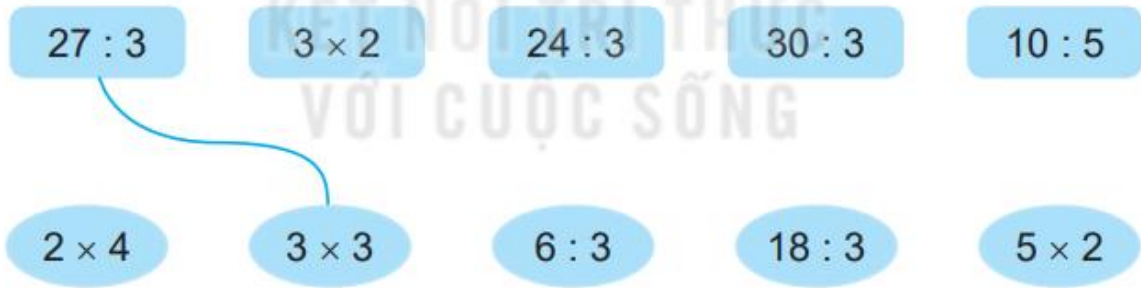
$$18 : 3 = 6$$

$$30 : 3 = 10$$

Ta nối như sau:



Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 14 Bài 3: Nối hai phép tính có cùng kết quả (theo mẫu).



Lời giải:

Thực hiện tính giá trị của các phép tính và tìm hai phép tính có cùng kết quả.

Ta có: $27 : 3 = 3 \times 3 = 9$

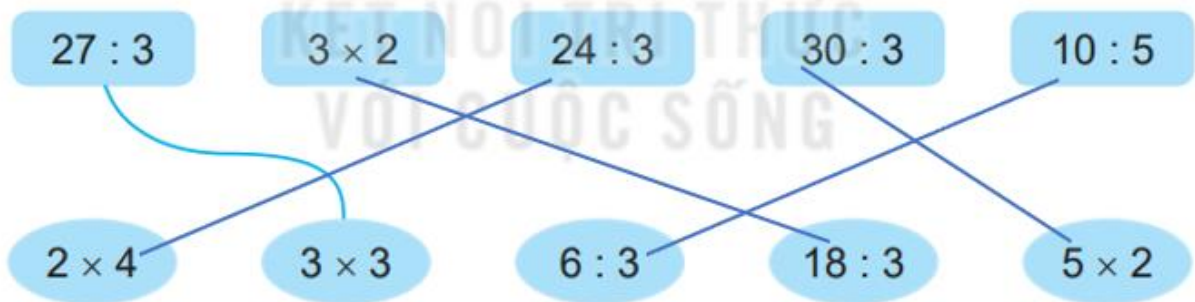
$3 \times 2 = 18 : 3 = 6$

$24 : 3 = 2 \times 4 = 8$

$30 : 3 = 5 \times 2 = 10$

$10 : 5 = 6 : 3 = 2$

Vậy ta nối như sau:



Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 14 Bài 4: Một lớp học võ dân tộc có 30 bạn chia thành các nhóm, mỗi nhóm có 3 bạn. Hỏi lớp học đó được chia thành bao nhiêu nhóm như vậy?

Bài giải

.....
.....
.....

Lời giải:

Lớp học đó được chia thành số nhóm là:

$$30 : 3 = 10 \text{ (nhóm)}$$

Đáp số: 10 nhóm